

Phạm trần, ngày 04 tháng 09 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025
NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG
TRƯỜNG MN PHẠM TRẦN

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	MT1	1. Trẻ thực hiện các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân	Hoạt động khác: Thực hiện các động tác hô hấp, tay-vai, lưng bụng lườn, chân-bật trong giờ thể dục sáng và các động tác tay-vai, lưng bụng lườn, chân-bật trong bài tập phát triển chung giờ hoạt động phát triển thể chất
2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu			
2	MT2	2.1. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh-chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp	Hoạt động học: - Đi theo hiệu lệnh: Đi nhanh, đi chậm

		có bê vật trên tay, bật tại chỗ, bật qua vạch kẻ, bật xa	- Đi đến vạch chuẩn - Đi đều bước
3	MT3	2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt tung bắt bóng với cô.	Đi trong đường hẹp. Đi có bê vật trên tay
4	MT4	2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	Đi trên cầu Chạy theo hướng thẳng Đứng co một chân Đi bước qua gậy kê cao 5cm Đi trong đường ngoằn ngoèo Đi bước vào các ô Đi trong đường hẹp có bê vật trên tay Đi bước qua vật cản Bước lên xuống bậc cao Đi kết hợp chạy. Nhún bật tại chỗ. Bật qua vạch kẻ (bật qua các vòng). Bật xa bằng 2 chân 15 – 20cm Tung bóng bằng 2 tay Tung - bắt bóng cùng cô khoảng cách 1m – 1,2 m. Tung bóng qua dây Bò theo hướng thẳng Bò thẳng hướng và bò có mang vật trên lưng Bò chui qua cổng Bò, trườn qua vật cản
5	MT5	2.4. Thực hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng, ném xa lên phía trước bằng một tay	

			<p>Bò theo đường ngoằn ngoèo</p> <p>Bò theo đường đích dắc</p> <p>Bò bằng 2 bàn tay, 2 bàn chân</p> <p>Trườn chui qua cổng</p> <p>Bò trong đường hẹp, ném bóng vào rổ</p> <p>Bò chui qua cổng, ném bóng về phía trước</p> <p>Ném về phía trước</p> <p>Bò chui qua cổng, ném bóng vào rổ</p> <p>Đá bóng về phía trước</p> <p>Ném bóng vào đích khoảng cách từ 1m - 1,2m</p>
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay			
6	MT6	3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	<p>Hoạt động khác:</p> <p>Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rón, nhào, khuấy, đào, vò, xé</p> <p>Tập khâu luôn dây</p> <p>Cài cỏi cúc, buộc dây.</p> <p>- Nhón nhặt đồ vật.</p> <p>Chấp ghép hình</p> <p>Xếp cạnh, xếp khít</p> <p>Chồng xếp 6- 8 khối</p> <p>Xâu vòng tay, vòng cổ, vòng trang trí.</p> <p>Lật mở trang sách</p>
7	MT7	3.2. Trẻ phối hợp các động tác bàn tay, ngón tay ,phối hợp tay mắt trong các hoạt động xếp cạnh ,xâu vòng ,chồng xếp....	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			

1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt			
8	MT8	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	Hoạt động khác: Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. Tập luyện nền nếp thói quen trong ăn uống; ăn chín uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn. Luyện thói quen ngủ một giấc trưa Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Tập đi vệ sinh, vứt rác đúng nơi quy định.
9	MT9	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.	
10	MT10	1.3. Đi vệ sinh đúng nơi qui định.	
2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe			
11	MT11	2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	Hoạt động khác: Xúc cơm, uống nước Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn ướt. Nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.
12	MT12	2.2. Trẻ thích nghi với chế độ nề nếp ,lau mặt ,rửa tay,mặc quần áo...	
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn			
13	MT13	3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.	Hoạt động khác: Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. (Bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, ổ điện, lan can, cống nước, ao hồ, sông ngòi...) Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh như (Leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn)
14	MT14	3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở.	
II. Giáo dục phát triển nhận thức			

1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan			
15	MT15	1. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	Hoạt động học: Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc Sờ nắn, nhìn, ngửi....đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng- mềm, trơn (nhẵn) - sù sì Ném vị của một số thức ăn, quả (Ngọt, mặn, chua) Hoạt động khác: Tìm đồ vật vừa mới cất giấu Tên một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc sử dụng được đồ dùng đồ chơi quen thuộc
16	MT16	2.1 Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi			
17	MT17	2.2. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	Hoạt động học: Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình Tên của cô giáo, các bạn, cô giáo, nhóm/ lớp Tên ,chức năng chính một số bộ phận cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa, quả, con vật, các PT giao thông gần gũi, quen thuộc Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của rau, hoa, quả quen thuộc.
18	MT18	2.3. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	
19	MT19	2.4 Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa, quả, con vật, các PT giao thông gần gũi, quen thuộc	
20	MT20	2.5 Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	

21	MT21	2.6 Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	Tên, đặc điểm nổi bật của các con vật. Màu đỏ, vàng , xanh
22	MT22	2.7. Trẻ nói được tên đặc điểm của mùa hè.	Đồ dùng đồ chơi to- nhỏ - Tên, đặc điểm nổi bật của trang phục, nước uống mùa hè; Một số việc làm để giữ sức khỏe trong mùa hè; Một số hiện tượng thiên nhiên, thời tiết trong mùa hè; Một số hoạt động vui chơi khi đi tắm biển
23	MT23	2.8. Trẻ biết vị trí không gian so với bản thân trẻ.	- Vị trí không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. Hoạt động khác: Hình tròn, hình vuông
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
1. Nghe hiểu lời nói			
24	MT24	1.1. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	Hoạt động học: Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”.
25	MT25	1.2. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “...thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)	Nghe, trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì đây”, “ Ở đâu”; “ Thế nào”; “ Để làm gì”; “ Tại sao Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản, trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.
26	MT26	1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	Hoạt động khác: Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói (Cất đồ chơi lên giá hoặc cất ba lô vào tủ...) Kể lại truyện được nghe nhiều lần có gợi ý của cô.
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu			
27	MT27	2.1. Trẻ hiểu nội dung 1 số bài đồng dao, hò vè.....	Hoạt động học:

28	MT28	2.1. Trẻ phát âm rõ tiếng	Trẻ nghe 1 số bài đồng dao, ca dao, hò vè, bài hát đơn giản Nghe và đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng Nghe và đọc các bài thơ đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, đơn giản.
29	MT29	2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	Hoạt động khác: Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp			
30	MT30	3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	Hoạt động khác: Lắng nghe khi người lớn nói và đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
31	MT31	3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: -Chào hỏi, trò chuyện. -Bày tỏ nhu cầu của bản thân. -Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau để; Chào hỏi trò chuyện; Bày tỏ nhu cầu của bản thân; Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “con gì đây? Cái gì đây?”
32	MT32	3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép.	Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân			
33	MT33	1.1. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	Hoạt động học: Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.
34	MT34	1.2 Thể hiện điều mình thích và không thích.	Hoạt động khác: Thực hiện được một số yêu cầu đơn giản của giáo viên.

			<p>Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình</p> <p>Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</p>
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi			
35	MT35	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	<p>Hoạt động học:</p> <p>Quan tâm đến các con vật nuôi. Bắt chước tiếng kêu và hành động của một số con vật quen thuộc.</p> <p>Hoạt động khác:</p> <p>Giao tiếp với những người xung quanh</p> <p>Nhận biết và thể hiện một số trạng thái và cảm xúc: Vui, buồn, tức giận, sợ hãi.</p> <p>Thể hiện một số trạng thái và cảm xúc: Vui, buồn, tức giận.</p>
36	MT36	2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	
37	MT37	2.3. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	
38	MT38	2.4. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản			
39	MT39	3.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	<p>Hoạt động khác:</p> <p>Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào, tạm biệt, cảm ơn, nói từ dạ, vâng, chơi cạnh bạn không cầu bạn.</p> <p>Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi thể hiện một số hành vi đơn giản qua các trò chơi, hoạt động góc, chơi mọi lúc mọi nơi, chơi bé em, khuấy bột cho bé, nghe điện thoại</p> <p>Chơi thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn, không tranh dành đồ chơi với bạn.</p> <p>Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng, chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.</p>
40	MT40	3.2. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bé em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	
41	MT41	3.3. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	
42	MT42	3.4. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	
4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh			

43	MT43	4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	Hoạt động học: Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các dụng cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình, xem tranh. - Làm quen với đất nặn. - Chơi xếp hình. - Xem tranh ảnh về chủ đề, tranh truyện.
44	MT44	4.2. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	

T/M. BAN GIÁM HIỆU

Phó hiệu trưởng



Phạm Thị Nhan

KHÔI TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hiền Phương